Cơ quan phát hành: Văn phòng Chính phủ

CHÍNH PHỦ	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Số: 02/2019/NĐ-CP	*Hà Nội, ngày 02 tháng 01 năm 2019*

NGHỊ ĐỊNH
Về phòng thủ dân sự

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 19 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Quốc phòng ngày 08 tháng 6 năm 2018;

Căn cứ Luật trưng mua, trưng dụng tài sản ngày 03 tháng 6 năm 2008;

Căn cứ Pháp lệnh Tình trạng khẩn cấp ngày 23 tháng 3 năm 2000;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Chính phủ ban hành Nghị định về phòng thủ dân sự.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị định này quy định nguyên tắc tổ chức, nhiệm vụ, hoạt động phòng thủ dân sự; bảo đảm phòng thủ dân sự; trách nhiệm của các bộ, ngành trung ương và Ủy ban nhân dân các cấp về phòng thủ dân sự.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Nghị định này áp dụng đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân là công dân Việt Nam; cơ quan, tổ chức, cá nhân là người nước ngoài sinh sống và hoạt động trên lãnh thổ Việt Nam.

2. Trường hợp điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên có quy định khác thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Điều 3. Nguyên tắc tổ chức và hoạt động phòng thủ dân sự

1. Tuân thủ Hiến pháp và pháp luật của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

2. Phòng thủ dân sự đặt dưới sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Đảng, sự quản lý thống nhất của Chính phủ, trực tiếp là sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, quản lý, điều hành của chính quyền các cấp và người đứng đầu các cơ quan, tổ chức; phát huy sức mạnh tổng hợp của cả hệ thống chính trị và toàn dân.

3. Phòng thủ dân sự được tổ chức từ trung ương đến địa phương, cơ sở. Người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, địa phương chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện phòng thủ dân sự.

4. Tăng cường, củng cố năng lực phòng thủ dân sự là nhiệm vụ trọng yếu, thường xuyên; phòng thủ dân sự phải được chuẩn bị từ trước khi xảy ra các thảm họa, chiến tranh; tích cực thực hiện phương châm phòng là chính; chủ động ứng phó kịp thời khi có thảm họa, chiến tranh, khắc phục hậu quả; phát huy vai trò của lực lượng tại chỗ, phương tiện tại chỗ, chỉ huy tại chỗ, hậu cần tại chỗ.

5. Mở rộng, tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng thủ dân sự.

Điều 4. Quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự

1. Nội dung quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Xây dựng và chỉ đạo thực hiện chiến lược, kế hoạch, đề án, dự án về phòng thủ dân sự;

b) Ban hành, hướng dẫn và tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật và kiến thức về phòng thủ dân sự;

d) Chỉ đạo, điều hành phòng thủ dân sự;

đ) Tổ chức đào tạo, huấn luyện, diễn tập, xây dựng lực lượng, trang bị, phương tiện, công trình phòng thủ dân sự;

e) Quy định và hướng dẫn bảo đảm ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự;

g) Thẩm định, phê duyệt các dự án, thiết kế và nghiệm thu công trình xây dựng về phòng thủ dân sự; kiểm định và chứng nhận các điều kiện an toàn về phương tiện và an toàn phòng thủ dân sự;

h) Tổ chức nghiên cứu, ứng dụng, phổ biến tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng thủ dân sự;

i) Hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự;

k) Kiểm tra, thanh tra nhà nước về phòng thủ dân sự;

n) Tổ chức thống kê nhà nước về phòng thủ dân sự;

m) Sơ kết, tổng kết, khen thưởng, xử lý vi phạm về phòng thủ dân sự.

2. Trách nhiệm quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự

a) Chính phủ thống nhất quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự;

b) Bộ Quốc phòng chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự;

c) Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chịu trách nhiệm trước Chính phủ thực hiện quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công trên phạm vi cả nước;

d) Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình thực hiện quản lý nhà nước về phòng thủ dân sự tại địa phương.

Chương II
NHIỆM VỤ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Mục 1
XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC, KẾ HOẠCH PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 5. Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự

1. Chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự được xây dựng theo chu kỳ 10 năm, tầm nhìn 20 năm và được cập nhật, điều chỉnh định kỳ 05 năm hoặc khi có thảm họa, chiến tranh.

2. Cơ sở xây dựng chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự:

a) Chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phòng thủ dân sự, phòng thủ đất nước và phát triển kinh tế - xã hội gắn với bảo đảm quốc phòng an ninh trong khu vực phòng thủ các cấp;

b) Thực tiễn hoạt động phòng thủ dân sự của quốc gia;

c) Kết quả xác định, đánh giá, phân vùng có nguy cơ thảm họa;

d) Nguồn lực cho hoạt động phòng thủ dân sự.

3. Nội dung chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, gồm: Quan điểm, mục tiêu, định hướng, nhiệm vụ, giải pháp, biện pháp chương trình, đề án, dự án trọng điểm và việc tổ chức thực hiện phòng thủ dân sự trên phạm vi cả nước.

Điều 6. Kế hoạch phòng thủ dân sự

1. Nguyên tắc xây dựng kế hoạch

a) Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia, kế hoạch phòng thủ dân sự cấp bộ và kế hoạch phòng thủ dân sự của các cấp địa phương được xây dựng theo chu kỳ 05 năm và được điều chỉnh hằng năm;

b) Phù hợp với kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc;

c) Bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp, các cơ quan, đơn vị Quân đội xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành, địa phương và đơn vị mình đồng thời chỉ đạo các cơ quan, địa phương và đơn vị thuộc quyền xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự;

d) Kế hoạch phòng thủ dân sự phải đáp ứng yêu cầu phòng, chống, khắc phục có hiệu quả đối với thảm họa do chiến tranh, thảm họa gây ra.

Dạng chiến tranh cơ bản: Địch tiến công bằng vũ khí thông thường; vũ khí hủy diệt lớn (vũ khí hạt nhân, hóa học, sinh học); vũ khí công nghệ cao.

Các thảm họa cơ bản: Thảm họa tàu hỏa, tàu điện ngầm, tàu ngầm, tàu du lịch đường biển, đường sông, tàu vận tải biển; thảm họa máy bay; bão mạnh, siêu bão; động đất, sóng thần; nước biển dâng cao, hạn hán kéo dài diện rộng; vỡ đê hồ, đập thủy điện quốc gia; dịch bệnh hàng loạt; rò rỉ phóng xạ, bức xạ hạt nhân, tán phát hóa chất độc, môi trường; sập đổ nhà cao tầng, hầm lò khai thác khoáng sản và hang động; cháy, nổ nhà máy hóa chất; cháy, nổ nhà máy điện, hạt nhân; cháy nổ giàn khoan, đường ống dẫn dầu, khí; cháy, nổ khu chế xuất, khu dân cư, chung cư cao tầng; sự cố tràn dầu, cháy rừng quốc gia trên quy mô rộng và các tình huống thảm họa khác do bộ, ngành, địa phương xác định.

2. Kế hoạch phòng thủ dân sự bao gồm các nội dung chính sau đây:

a) Đánh giá, cập nhật hằng năm về đặc điểm dân sinh, kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, môi trường, tình hình phát triển của các ngành kinh tế và cơ sở hạ tầng trên quy mô toàn quốc;

b) Dự báo các tình huống thảm họa, chiến tranh có thể xảy ra; xác định, đánh giá rủi ro và cấp độ rủi ro do các thảm họa, chiến tranh thường gặp, ảnh hưởng đến hoạt động phát triển của cả nước hoặc các ngành, địa phương;

c) Xác định nhiệm vụ, phương châm, phương pháp, biện pháp phòng, chống, sử dụng lực lượng, chương trình đề án, dự án phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa nhằm giảm thiểu thiệt hại;

d) Xác định nội dung phòng thủ dân sự cần lồng ghép vào quy hoạch, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của cả nước hoặc địa phương;

đ) Xác định nguồn lực và tiến độ hằng năm và 05 năm để thực hiện kế hoạch phòng thủ dân sự;

e) Xác định trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện, kiểm tra, theo dõi kế hoạch phòng thủ dân sự.

3. Kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia

a) Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và các địa phương xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Hằng năm hoặc khi có yêu cầu đột xuất, cấp bách, vì lý do quốc phòng, an ninh và lợi ích quốc gia, Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với bộ, ngành có liên quan điều chỉnh kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

4. Kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương và cơ quan, đơn vị trực thuộc

a) Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia, Cơ quan thường trực phòng thủ dân sự bộ, ngành trung ương chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương báo cáo lãnh đạo bộ, ngành trung ương gửi Bộ Quốc phòng thẩm định trước khi trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

b) Căn cứ kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương, các cơ quan, đơn vị trực thuộc xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của cấp mình, gửi cơ quan thường trực phòng thủ dân sự các bộ, ngành trung ương thẩm định trình lãnh đạo bộ, ngành trung ương phê duyệt.

5. Kế hoạch phòng thủ dân sự cấp tỉnh và các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh

a) Căn cứ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ đất nước và nhiệm vụ bảo vệ Tổ quốc; kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia, Cơ quan quân sự cấp tỉnh chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự cấp tỉnh, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh ký gửi Bộ Quốc phòng thẩm định; trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

b) Căn cứ kế hoạch phòng thủ dân sự cấp tỉnh, kế hoạch phòng thủ dân sự của Bộ, ngành trung ương, các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp tỉnh xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan quân sự cấp tỉnh thẩm định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt.

6. Kế hoạch phòng thủ dân sự cấp huyện

a) Căn cứ kế hoạch phòng thủ dân sự cấp tỉnh, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương, Cơ quan quân sự cấp huyện chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự cấp huyện, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện ký gửi cơ quan quân sự cấp tỉnh thẩm định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh phê duyệt;

b) Căn cứ kế hoạch phòng thủ dân sự cấp tỉnh, các cơ quan, đơn vị trực thuộc cấp huyện xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của cơ quan, đơn vị, gửi cơ quan quân sự cấp huyện thẩm định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

7. Kế hoạch phòng thủ dân sự cấp xã

Cơ quan quân sự cấp xã chủ trì xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự cấp xã, báo cáo Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã ký gửi cơ quan quân sự cấp huyện thẩm định; trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện phê duyệt.

Mục 2
XÂY DỰNG HỆ THỐNG CÔNG TRÌNH, TRANG BỊ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 7. Hệ thống công trình phòng thủ dân sự

1. Xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự ở từng cấp khi có chiến tranh phải gắn với thế trận quân sự trong khu vực phòng thủ. Việc thẩm định, phê duyệt kế hoạch xây dựng hệ thống các công trình phòng thủ dân sự được thực hiện theo quy định của Chính phủ về khu vực phòng thủ và quy định của pháp luật có liên quan.

2. Xây dựng hệ thống các công trình phòng thủ dân sự, phải bảo đảm kết hợp phục vụ phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội; triệt để tận dụng các hang động, địa hình, công trình nửa ngầm, công trình đường hầm, công trình ngầm làm hầm trú ẩn cho nhân dân, cơ quan, tổ chức khi có nguy cơ xảy ra thảm họa hoặc có chiến tranh. Nhà nước có chính sách khuyến khích các nhà đầu tư trong nước và nước ngoài xây dựng các công trình ngầm để bảo đảm tính lưỡng dụng.

3. Hệ thống công trình phòng thủ dân sự gồm: Công trình dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động; công trình phòng chống địch tiến công hỏa lực bằng vũ khí thông thường, vũ khí hủy diệt lớn; công trình nghi trang, nghi binh; đường cơ động; hệ thống thiết bị phòng hóa tập thể; hệ thống thiết bị thông gió, lọc độc; hệ thống đê điều; hệ thống hồ chứa thủy lợi; hệ thống rừng đặc dụng phòng hộ; khu neo đậu tàu thuyền tránh trú bão; hệ thống kho dự trữ quốc gia; công trình bảo vệ, cất giữ lương thực, thực phẩm, nguồn nước, thuốc y tế, vật tư, phương tiện bảo đảm thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự;

công trình, phương tiện, trang thiết bị bảo đảm cho huấn luyện, diễn tập phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh, ứng phó thảm họa, tìm kiếm cứu nạn.

4. Tổ chức xây dựng công trình phòng thủ dân sự

a) Trên cơ sở quy hoạch tổng thể bố trí quốc phòng kết hợp với phát triển kinh tế - xã hội được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện căn cứ kế hoạch xây dựng khu vực phòng thủ và khả năng kinh tế của địa phương chỉ đạo lập kế hoạch và tổ chức xây dựng hệ thống công trình phòng thủ dân sự gắn với kế hoạch xây dựng thế trận quân sự của khu vực phòng thủ của từng địa phương;

b) Bộ Quốc phòng chủ trì hoặc phối hợp với các bộ, ngành trung ương hướng dẫn quy cách, tiêu chuẩn kỹ thuật các loại công trình để đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự và hướng dẫn xây dựng, quản lý, bảo dưỡng, bảo vệ các công trình phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về quản lý đầu tư xây dựng. Khi địa phương chuyển sang tình trạng chiến tranh, tình trạng khẩn cấp về quốc phòng, các công trình phải xây dựng theo lệnh khẩn cấp để thực hiện chức năng, phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh của các cơ quan, tổ chức và nhân dân thì thực hiện theo quy định của Chính phủ về quản lý đầu tư xây dựng công trình đặc thù.

Điều 8. Trang bị phòng thủ dân sự

1. Trang thiết bị phòng, chống chiến tranh: Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương tổng hợp danh mục các loại phương tiện, trang bị, thiết bị, vật tư bảo đảm cho hoạt động phòng, chống chiến tranh trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; đồng thời hướng dẫn việc sản xuất, dự trữ, sử dụng trong huấn luyện, diễn tập và khi có tình huống xảy ra.

2. Trang thiết bị trung tâm điều hành về dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động và trang thiết bị phòng, chống, khắc phục thảm họa, sự cố, thiên tai, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ: Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương hướng dẫn triển khai thực hiện theo quy định của Thủ tướng Chính phủ.

Mục 3
HỆ THỐNG TIẾP NHẬN, XỬ LÝ, DỰ BÁO, CẢNH BÁO, THÔNG BÁO, BÁO ĐỘNG THÔNG TIN PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 9. Quy trình tiếp nhận, xử lý thông tin phòng thủ dân sự

1. Các thông tin liên quan đến nguy cơ hoặc xảy ra thảm họa, chiến tranh được báo cáo về cơ quan thường trực phòng thủ dân sự cùng cấp để kiểm tra và xử lý.

2. Sau khi nhận được thông tin liên quan đến nguy cơ hoặc xảy ra thảm họa, chiến tranh; các bộ, ngành trung ương, Ủy ban nhân dân các cấp có trách nhiệm thông báo cho các cơ quan, tổ chức thuộc quyền và nhân dân, đồng thời báo cáo về cơ quan thường trực phòng thủ dân sự cấp trên theo quy định.

3. Bộ Thông tin và Truyền thông chủ trì, phối hợp với các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan thông tin đại chúng, thông tấn báo chí từ trung ương đến địa phương thông tin truyền thông về phòng thủ dân sự theo đúng quy định của pháp luật.

Điều 10. Xây dựng hệ thống kết nối dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động thông tin phòng thủ dân sự

Củng cố, xây dựng các trung tâm, các đài dự báo khí tượng thủy văn; các trạm báo tin động đất, cảnh báo sóng thần; các trạm quan trắc - cảnh báo môi trường độc xạ; các đài, trạm quan sát, báo động phòng không nhân dân của Trung ương, khu vực, địa phương trên đất liền và biển đảo, hệ thống trang thiết bị công nghệ thông tin, Cổng thông tin điện tử Chính phủ, các bộ, ngành từ trung ương đến địa phương tạo thành hệ thống mạng thông tin dự báo, cảnh báo, thông báo, báo động phòng thủ dân sự trên phạm vi toàn quốc.

Mục 4
SƠ KẾT, TỔNG KẾT, BÁO CÁO, KIỂM TRA, THANH TRA VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 11. Sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự

1. Sơ kết, tổng kết về phòng thủ dân sự được tiến hành ở các cấp, do Thủ trưởng các đơn vị Quân đội, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức ở trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện.

2. Định kỳ 6 tháng và hằng năm, người đứng đầu các cơ quan, tổ chức ở trung ương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, chỉ huy các cơ quan, đơn vị trong Quân đội phải có đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong lĩnh vực được phân công. Việc sơ kết, tổng kết về phòng thủ dân sự được gắn với sơ kết, tổng kết các mặt công tác của cơ quan, đơn vị.

3. Việc sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự từng thời kỳ của các bộ, ngành trung ương, địa phương, cơ quan, đơn vị Quân đội và lực lượng Dân quân tự vệ theo sự chỉ đạo của người đứng đầu các bộ, ngành trung ương và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp. Nội dung sơ kết, tổng kết gồm: Đánh giá tình hình liên quan, ưu, khuyết điểm và nguyên nhân, rút ra bài học kinh nghiệm trong lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự; phương hướng, nội dung, biện pháp lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự thời gian tới; đề xuất các chủ trương, biện pháp và chính sách về phòng thủ dân sự.

Điều 12. Báo cáo thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự

1. Các cơ quan, đơn vị Quân đội tổng hợp tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự thành một nội dung riêng trong báo cáo thường xuyên theo quy định chế độ báo cáo hiện hành của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng.

2. Báo cáo tháng, 6 tháng, hằng năm: Các đơn vị chuyên trách, kiêm nhiệm thuộc các bộ, ngành trung ương, địa phương báo cáo Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cùng cấp về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo hướng dẫn của cơ quan thường trực phòng thủ dân sự cấp bộ, cấp tỉnh.

3. Báo cáo 6 tháng, hằng năm, 5 năm: Bộ, ngành trung ương, địa phương cấp tỉnh chỉ đạo cơ quan thường trực phòng thủ dân sự tổng hợp báo cáo Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ (qua Bộ Quốc phòng) về tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự lồng ghép trong nội dung báo cáo kết quả công tác quốc phòng.

Điều 13. Kiểm tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự

1. Hằng năm, Bộ Quốc phòng xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự của các bộ, ngành trung ương, địa phương và các cơ quan, đơn vị Quân đội, thông qua Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia; hướng dẫn Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức ở trung ương, cơ quan quân sự địa phương các cấp giúp người đứng đầu các bộ, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp xây dựng kế hoạch, tổ chức kiểm tra việc thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền.

2. Chế độ kiểm tra gồm: Kiểm tra thường xuyên (hằng tháng, quý, 6 tháng, năm); kiểm tra đột xuất.

3. Nội dung kiểm tra: Việc quán triệt, phổ biến các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước ban hành các văn bản lãnh đạo, chỉ đạo, hướng dẫn thực hiện; kết quả chỉ đạo, thực hiện các kế hoạch, chế độ báo cáo, thông báo tình hình, kiểm tra, sơ kết, tổng kết thực hiện nhiệm vụ, công tác bảo đảm ngân sách hoạt động thường xuyên, đầu tư xây dựng, mua sắm phương tiện, trang thiết bị, chế độ, chính sách về phòng thủ dân sự.

Điều 14. Thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự

Thanh tra thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự đối với các bộ, ngành, địa phương, cơ quan, đơn vị Quân đội thực hiện theo quy định của pháp luật về thanh tra.

Mục 5
TUYÊN TRUYỀN, GIÁO DỤC, BỒI DƯỠNG, TẬP HUẤN, HUẤN LUYỆN, DIỄN TẬP VỀ PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 15. Tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập

1. Các cơ quan, tổ chức từ trung ương đến địa phương căn cứ chức năng, nhiệm vụ tổ chức tuyên truyền nâng cao nhận thức, ý thức, trách nhiệm và phổ cập kiến thức cơ bản cho toàn dân về phòng thủ dân sự.

2. Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương triển khai bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập, phổ cập về các biện pháp phòng, tránh, khắc phục hậu quả các loại vũ khí công nghệ cao, vũ khí hủy diệt hàng loạt và các thảm họa khác cho lực lượng nòng cốt, lực lượng rộng rãi về phòng thủ dân sự.

3. Căn cứ chức năng, nhiệm vụ các bộ, ngành trung ương, địa phương chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng xác định nội dung, tổ chức và phương pháp bồi dưỡng, tập huấn, huấn luyện, diễn tập về phòng thủ dân sự trong chương trình kế hoạch phòng thủ dân sự hằng năm.

4. Diễn tập phòng thủ dân sự ở từng địa phương, cơ quan, tổ chức do Chủ tịch Ủy ban nhân dân địa phương, người đứng đầu cơ quan, tổ chức chịu trách nhiệm thực hiện, dưới sự chỉ đạo của cấp trên trực tiếp.

Điều 16. Đối tượng, thời gian huấn luyện, diễn tập về phòng thủ dân sự

1. Lực lượng phòng thủ dân sự chuyên trách, kiêm nhiệm thuộc các Bộ: Quốc phòng, Công an, Giao thông vận tải, Công Thương, Y tế và các bộ, ngành trung ương: Hằng năm được huấn luyện chuyên sâu các nội dung để làm nòng cốt thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa trong thời bình và thời chiến theo quy định của người đứng đầu các bộ, ngành trung ương.

2. Tại các cấp địa phương

a) Lực lượng phòng thủ dân sự chuyên trách theo quy định tại điểm a khoản 3, điểm a khoản 4 Điều 26 Nghị định này: Thời gian huấn luyện phòng thủ dân sự theo quy định của Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, Bộ trưởng Bộ Công an;

b) Lực lượng kiêm nhiệm theo quy định tại điểm b khoản 3, điểm b khoản 4 Điều 26 Nghị định này: Thời gian huấn luyện phòng thủ dân sự theo quy định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh.

3. Sinh viên, học viên, học sinh đào tạo trong các học viện, nhà trường, cơ quan đoàn thể ở các cấp: Thời gian huấn luyện về phòng thủ dân sự được lồng ghép thực hiện trong chương trình giáo dục quốc phòng - an ninh của từng năm học.

4. Cán bộ, đảng viên, công chức, chức sắc, chức việc tôn giáo học tập về phòng thủ dân sự được lồng ghép thực hiện trong chương trình bồi dưỡng kiến thức quốc phòng - an ninh theo quy định của pháp luật, thời gian ít nhất 05% tổng số thời gian bồi dưỡng kiến thức quốc phòng của từng đối tượng.

5. Các bộ, ngành trung ương, địa phương, cơ quan, đơn vị tổ chức diễn tập phòng thủ dân sự 01 lần/05 năm; lồng ghép nội dung diễn tập phòng, chống ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn vào diễn tập phòng thủ dân sự.

Mục 6
HỢP TÁC QUỐC TẾ TRONG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 17. Nguyên tắc hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự

1. Bảo đảm tôn trọng độc lập chủ quyền, toàn vẹn lãnh thổ, không can thiệp vào công việc nội bộ của nhau và bảo đảm lợi ích quốc gia.

2. Tuân thủ điều ước quốc tế mà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

3. Ưu tiên hợp tác về đào tạo, huấn luyện, diễn tập; nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ; chia sẻ kinh nghiệm, phối hợp tìm kiếm cứu nạn.

Điều 18. Nội dung hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự

1. Hợp tác quốc tế về trao đổi thông tin, dự báo, cảnh báo.

2. Hợp tác về nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong ứng phó thảm họa, tìm kiếm cứu nạn.

3. Hợp tác về đào tạo, huấn luyện, diễn tập.

4. Hợp tác về tìm kiếm cứu nạn, hỗ trợ thảm họa.

5. Hợp tác về đầu tư, cứu trợ nhân đạo.

Điều 19. Cơ quan hợp tác quốc tế về phòng thủ dân sự

1. Bộ Quốc phòng là cơ quan đầu mối hợp tác quốc tế trong phòng thủ dân sự, có trách nhiệm:

a) Nhận thông tin dự báo, cảnh báo và thông tin liên quan đến thảm họa từ cơ quan, tổ chức trong nước và quốc tế theo quy định;

b) Cung cấp thông tin về thảm họa cho cơ quan, tổ chức quốc tế theo quy định;

c) Hằng năm, chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng kế hoạch hợp tác quốc tế về đào tạo, huấn luyện, diễn tập, đầu tư trang thiết bị, nghiên cứu khoa học, chuyển giao công nghệ trong ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trình Thủ tướng Chính phủ quyết định; triển khai kế hoạch hợp tác với các nước theo quy định;

d) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương có liên quan tổ chức thực hiện hoạt động quốc tế về ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi quản lý;

đ) Đề xuất ký kết, gia nhập điều ước quốc tế trong ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn;

e) Đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ về kêu gọi hỗ trợ của quốc tế về ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn.

2. Bộ Ngoại giao

a) Kêu gọi quốc tế hỗ trợ cho việc ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục thảm họa, chiến tranh tại Việt Nam, đồng thời là đầu mối của Việt Nam hỗ trợ các quốc gia khác theo chỉ đạo của Chính phủ;

b) Chủ trì liên hệ với các quốc gia, vùng lãnh thổ để phối hợp hỗ trợ cho người, phương tiện của Việt Nam khi xảy ra thảm họa và hỗ trợ người, phương tiện của quốc gia khác khi có yêu cầu.

3. Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì hợp tác quốc tế trong lĩnh vực quản lý chất thải phóng xạ, ứng phó thảm họa môi trường.

4. Bộ Khoa học và Công nghệ chủ trì hợp tác quốc tế trong lĩnh vực nghiên cứu khoa học,chuyển giao công nghệ, ứng phó sự cố bức xạ và hạt nhân.

5. Bộ Y tế chủ trì hợp tác quốc tế trong lĩnh vực phòng bệnh, chữa bệnh, ứng phó dịch bệnh, thảm họa, chiến tranh; hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ y tế phù hợp với điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

Chương III
BẢO ĐẢM HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Mục 1
CƠ QUAN CHỈ ĐẠO, CHỈ HUY PHÒNG THỦ DÂN SỰ VÀ LỰC LƯỢNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 20. Cơ cấu tổ chức, nhiệm vụ Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia

1. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia do Thủ tướng Chính phủ thành lập, giúp Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ trong việc tổ chức, chỉ đạo, điều hành công tác phòng thủ dân sự trên phạm vi cả nước. Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia được sử dụng dấu quốc huy để thực hiện nhiệm vụ, hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Cơ cấu tổ chức

a) Trưởng ban: Thủ tướng Chính phủ.

b) Phó Trưởng ban:

Phó Thủ tướng Chính phủ - Chủ tịch Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, Phó Trưởng ban thường trực;

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng;

Bộ trưởng Bộ Công an.

c) Ủy viên là Bộ trưởng các bộ, người đứng đầu cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ.

3. Cơ quan thường trực Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia là Bộ Quốc phòng.

Cơ quan chuyên trách giúp việc Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia là Cục Cứu hộ - Cứu nạn/Bộ Tổng Tham mưu Quân đội nhân dân Việt Nam.

4. Nhiệm vụ

a) Xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch quốc gia, chính sách, pháp luật về phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng và triển khai thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ;

c) Chỉ đạo, điều phối phòng thủ dân sự, khắc phục thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trên phạm vi toàn quốc;

d) Quyết định các biện pháp cấp bách, huy động các nguồn lực của các bộ, ngành trung ương, tổ chức, cá nhân để phòng thủ dân sự, khắc phục thảm họa và tìm kiếm cứu nạn;

đ) Chỉ đạo thống kê số liệu thiệt hại, nhu cầu cứu trợ của các địa phương, bộ, ngành trung ương và đề xuất với Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ quyết định các biện pháp và nguồn lực phòng thủ dân sự, khắc phục thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cả nước;

e) Thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện các hoạt động phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa và tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ.

Điều 21. Tổ chức, nhiệm vụ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương

1. Các bộ, ngành trung ương kiện toàn tổ chức, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn, đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương; làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ

đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia. Căn cứ yêu cầu, nhiệm vụ phòng thủ dân sự, người đứng đầu bộ, ngành trung ương quyết định việc thành lập Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của các cơ quan, đơn vị trực thuộc.

2. Ban Chỉ huy quân sự bộ, ngành trung ương là cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương. Trường hợp bộ, ngành trung ương không có Ban Chỉ huy quân sự, người đứng đầu bộ, ngành trung ương giao một cơ quan thuộc quyền là cơ quan thường trực Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự.

3. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự bộ, ngành trung ương

a) Tham mưu giúp người đứng đầu bộ, ngành trung ương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi quản lý;

b) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương; hướng dẫn, theo dõi các cơ quan, đơn vị thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự;

c) Phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cả nước theo chỉ đạo của Thủ tướng Chính phủ, Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia;

d) Quyết định các biện pháp cấp bách, huy động theo thẩm quyền các nguồn lực của bộ, ngành trung ương để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong phạm vi quản lý và hỗ trợ các địa phương;

đ) Thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 22. Tổ chức, nhiệm vụ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Quân khu

1. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Quân khu do Bộ trưởng Bộ Quốc phòng quyết định thành lập, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm.

2. Cơ cấu tổ chức: Gồm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và các Ủy viên.

3. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự Quân khu

a) Chỉ đạo, chỉ huy lực lượng vũ trang thuộc quyền phối hợp với lực lượng phòng thủ dân sự của các địa phương trong luyện tập, diễn tập, hội thi, hội thao và xử lý những tình huống về phòng thủ dân sự xảy ra trên địa bàn;

b) Chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương thuộc Quân khu tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp, các cơ quan, đơn vị thuộc quyền xây dựng kế hoạch thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự;

c) Phê duyệt kế hoạch phòng thủ dân sự của các cơ quan, đơn vị thuộc quyền;

d) Phối hợp với Cấp ủy, chính quyền địa phương trên địa bàn Quân khu lãnh đạo, chỉ đạo việc thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự của Quân đội và lực lượng Dân quân tự vệ;

đ) Báo cáo Bộ Quốc phòng về kết quả thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định;

e) Thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị thuộc quyền thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 23. Tổ chức, nhiệm vụ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh

1. Kiện toàn tổ chức, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn của cấp tỉnh đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia.

2. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh gồm các thành viên sau:

a) Trưởng ban: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh;

b) Phó Trưởng ban:

Một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh làm Phó Trưởng ban thường trực;

Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy quân sự cấp tỉnh (đối với Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh Thành phố Hồ Chí Minh là Tư lệnh);

Giám đốc Công an cấp tỉnh.

c) Ủy viên là Chỉ huy trưởng Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng cấp tỉnh (nếu có); lãnh đạo các sở, cơ quan có liên quan đến công tác phòng thủ dân sự của địa phương; chỉ huy các cơ quan, đơn vị quân đội, công an trực thuộc các đơn vị đầu mối của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng quân trên địa bàn tỉnh, thành phố.

3. Cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh là Cơ quan quân sự cấp tỉnh.

4. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong phạm vi địa phương quản lý;

b) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương; hướng dẫn, theo dõi các sở, cơ quan, đơn vị thực hiện chiến lược, kế hoạch phòng thủ dân sự;

c) Chỉ đạo xây dựng thế trận phòng thủ dân sự và hoạt động phòng thủ dân sự của cấp mình và cấp dưới thuộc quyền;

d) Chỉ huy phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi địa phương;

đ) Bảo đảm an ninh trật tư, an toàn xã hội trong vùng, khu vực xảy ra thảm họa, chiến tranh;

e) Thanh tra, kiểm tra, đôn đốc các sở, cơ quan, đơn vị tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 24. Tổ chức, nhiệm vụ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp huyện

1. Kiện toàn tổ chức, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn của cấp huyện đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp tỉnh; chỉ đạo, tổ chức xây dựng thế trận phòng thủ dân sự và hoạt động phòng thủ dân sự của cấp mình và cấp dưới thuộc quyền.

2. Thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp huyện gồm:

a) Trưởng ban: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện;

b) Phó Trưởng ban:

Một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện làm Phó Trưởng ban thường trực;

Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp huyện;

Trưởng Công an cấp huyện.

c) Ủy viên là lãnh đạo các cơ quan, đơn vị có liên quan đến công tác phòng thủ dân sự của địa phương, Đồn trưởng Đồn Biên phòng (nếu có).

3. Cơ quan quân sự cấp huyện là cơ quan thường trực của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp huyện.

4. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp huyện:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong phạm vi địa phương quản lý;

b) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương; hướng dẫn các phòng, cơ quan, đơn vị thực hiện kế hoạch phòng thủ dân sự;

c) Chỉ huy và tổ chức phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi cấp huyện;

d) Kiểm tra, đôn đốc các cơ quan, đơn vị tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 25. Tổ chức, nhiệm vụ Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã

1. Kiện toàn tổ chức, bổ sung chức năng, nhiệm vụ, mối quan hệ công tác Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm Cứu nạn của cấp xã đồng thời là Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự, làm việc theo chế độ kiêm nhiệm; chịu sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp huyện.

2. Thành viên Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã gồm:

a) Trưởng ban: Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã;

b) Phó Trưởng ban:

Một Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã làm Phó Trưởng ban thường trực;

Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy quân sự cấp xã;

Trưởng Công an cấp xã.

3. Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã sử dụng một số cán bộ chuyên môn của Ủy ban nhân dân cấp xã làm bộ phận thường trực.

4. Nhiệm vụ của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp xã:

a) Tham mưu giúp Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự, ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn trong phạm vi địa phương quản lý;

b) Thực hiện việc truyền phát tin chỉ đạo, chỉ huy phòng thủ dân sự của các cấp đến cộng đồng;

c) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương;

d) Chỉ huy và tổ chức phòng thủ dân sự trong phạm vi cấp xã;

đ) Kiểm tra, đôn đốc tổ chức, cá nhân tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

Điều 26. Tổ chức Lực lượng phòng thủ dân sự

1. Lực lượng phòng thủ dân sự bao gồm:

a) Lực lượng nòng cốt gồm: Dân quân tự vệ; Công an xã, phường, thị trấn; lực lượng chuyên trách hoặc kiêm nhiệm của Quân đội nhân dân, Công an nhân dân và các bộ, ngành trung ương, địa phương;

b) Lực lượng rộng rãi do toàn dân tham gia.

2. Tổ chức lực lượng phòng thủ dân sự tại các bộ, ngành trung ương

a) Lực lượng chuyên trách:

Cục Cứu hộ - Cứu nạn; Trung tâm Quốc gia huấn luyện tìm kiếm cứu nạn đường không; Trung tâm Quốc gia huấn luyện tìm kiếm cứu nạn đường biển; Trung tâm Quốc gia đào tạo, huấn luyện ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Bắc; Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Trung; Trung tâm huấn luyện chó nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn thuộc Bộ Quốc phòng.

Các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ phòng cháy chữa cháy và cứu nạn cứu hộ thuộc Bộ Công an.

Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Hàng hải Việt Nam thuộc Cục Hàng hải Việt Nam và các Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Hàng hải khu vực; Trung tâm Phối hợp tìm kiếm cứu nạn Hàng không trực thuộc Tổng công ty quản lý bay Việt Nam; các Trung tâm Hiệp đồng khẩn nguy các Cảng Hàng không Việt Nam thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Trung tâm Ứng phó sự cố tràn dầu khu vực miền Nam/Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam; Trung tâm Cấp cứu mỏ/Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam thuộc Bộ Công thương.

Tổng cục Phòng chống thiên tai, Tổng cục lâm nghiệp, Tổng cục Thủy sản thuộc Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn.

b) Lực lượng kiêm nhiệm:

Ban Chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức và lực lượng tự vệ thuộc quyền.

Các Trạm phối hợp tìm kiếm cứu nạn (Cô Tô/Quảng Ninh, Bạch Long Vĩ/Hải Phòng, Cồn Cỏ/Quảng Trị, Lý Sơn/Quảng Ngãi, Trường Sa/Khánh Hoà, Phú Quý/Bình Thuận, Côn Đảo/Bà Rịa - Vũng Tàu, Thổ Chu/Kiên Giang, Hòn Khoai/Cà Mau, Song Tử Tây/Khánh Hoà); các Trung tâm Ứng phó sự cố hoá học, sinh học, bức xạ và hạt nhân khu vực miền Bắc, miền Trung, miền Nam; các Đội tham gia hoạt động hỗ trợ nhân đạo và cứu trợ thiên tai (Đội Cứu sập, Đội khắc phục hậu quả về môi trường, Đội Quân y cứu trợ thảm họa, Đội sử dụng chó nghiệp vụ tìm kiếm cứu nạn, Đội tàu tìm kiếm cứu nạn trên biển); các Tiểu đoàn Công binh tìm kiếm cứu nạn, cứu sập đổ công trình; các Đội ứng phó sự cố hoá học, sinh học, bức xạ và hạt nhân;

các Đội bay tìm kiếm cứu nạn đường không; các Đội thông tin liên lạc cơ động ứng phó thiên tai, thảm hoạ; các đơn vị của các Quân khu, Quân đoàn, Quân chủng, Bộ đội Biên phòng, Cảnh sát biển, Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội, Bộ Tư lệnh bảo vệ Lăng Chủ tịch Hồ Chí Minh, Binh chủng, Binh đoàn, Học viện, nhà trường và các Tổng cục thuộc Bộ Quốc phòng.

Các đơn vị của lực lượng Cảnh sát giao thông, Cảnh sát cơ động; Trung tâm huấn luyện và sử dụng chó nghiệp vụ thuộc Bộ Công an.

Trung tâm cấp cứu 115, khoa cấp cứu của các bệnh viện, cơ sở quân dân y kết hợp thuộc Bộ Y tế.

Các cơ quan, đơn vị phối hợp, tình nguyện: Hội Chữ thập đỏ; các tổ chức phi Chính phủ, các tổ chức xã hội, tình nguyện.

3. Tổ chức lực lượng phòng thủ dân sự tại cấp tỉnh, cấp huyện

a) Lực lượng chuyên trách: Các đơn vị thuộc cơ quan quân sự, công an cấp tỉnh, cấp huyện; các cơ quan, đơn vị quân đội, công an trực thuộc các đơn vị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an đóng quân trên địa bàn;

b) Lực lượng kiêm nhiệm của các cơ quan, đơn vị do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện quy định, bao gồm các Đội cơ động: Cứu sập; cứu thương, tải thương; xây dựng, sửa chữa các công trình bị hư hỏng; bảo đảm giao thông, điện, nước; phòng dịch, vệ sinh môi trường; tiêu tẩy; hộ đê.

4. Tổ chức lực lượng phòng thủ dân sự tại cấp xã và cơ quan, tổ chức

a) Lực lượng chuyên trách: Ban Chỉ huy Quân sự, Công an xã, phường, thị trấn;

b) Lực lượng kiêm nhiệm do Ủy ban nhân dân cấp xã và cơ quan, tổ chức quy định có các tổ tại chỗ của Dân quân tự vệ và toàn dân, bao gồm các Tổ: Thông báo, báo động; cứu sập; cứu thương, tải thương; phòng hóa; hậu cần, kỹ thuật; xây dựng hầm trú ẩn, công trình ngầm, ngụy trang, nghi binh, làm mục tiêu giả; giúp nhân dân, cơ sở sản xuất đi sơ tán và bảo vệ khu vực sơ tán; bảo đảm giao thông, điện, nước; vệ sinh môi trường.

5. Nhiệm vụ của lực lượng phòng thủ dân sự tại các bộ, ngành trung ương, địa phương do người đứng đầu bộ, ngành trung ương, địa phương quy định.

Mục 2
CƠ CHẾ HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 27. Chỉ đạo hoạt động phòng thủ dân sự

1. Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo phòng thủ dân sự trong phạm vi cả nước.

2. Bộ trưởng Bộ Quốc phòng giúp Thủ tướng Chính phủ chỉ đạo về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công.

a) Chỉ đạo Bộ Tư lệnh các Quân khu, Quân chủng và Bộ Tư lệnh Thủ đô Hà Nội; Quân đoàn, Binh chủng; Cảnh sát biển, Bộ đội Biên phòng tham mưu cho Bộ Quốc phòng về các nhiệm vụ phòng thủ dân sự đáp ứng các tình huống quốc phòng;

b) Bộ Tư lệnh các Quân khu chỉ đạo cơ quan quân sự cấp tỉnh chủ trì tham mưu cho Ủy ban nhân dân cấp tỉnh về việc thực hiện các nhiệm vụ phòng thủ dân sự đáp ứng các tình huống quốc phòng.

3. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ chỉ đạo, điều hành về phòng thủ dân sự đối với các cơ quan, đơn vị thuộc quyền và hướng dẫn triển khai thực hiện phòng thủ dân sự trên lĩnh vực ngành trong phạm vi cả nước.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình chỉ đạo, tổ chức thực hiện về phòng thủ dân sự ở địa phương theo quy định của pháp luật.

Điều 28. Chỉ huy hoạt động phòng thủ dân sự

1. Khi thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự tại các địa phương, chỉ huy các cơ quan, đơn vị Quân đội trực tiếp chỉ huy lực lượng thuộc quyền dưới sự chỉ đạo của Bộ Quốc phòng, Quân khu và hiệp đồng của cơ quan quân sự địa phương các cấp.

2. Chỉ huy trưởng cơ quan quân sự cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã, trực tiếp chỉ huy lực lượng thuộc quyền dưới sự điều hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cùng cấp. Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy quân sự cơ quan, tổ chức trực tiếp chỉ huy lực lượng tự vệ dưới sự điều hành của người đứng đầu cơ quan, tổ chức. Điều động, chỉ huy Dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

3. Việc tổ chức chỉ huy các lực lượng thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự của bộ, ngành trung ương do người đứng đầu bộ, ngành trung ương quy định.

Điều 29. Huy động lực lượng, phương tiện tham gia hoạt động phòng thủ dân sự

1. Bộ Quốc phòng quyết định huy động lực lượng Quân đội và Dân quân tự vệ, vật tư, trang bị, phương tiện thuộc quyền quản lý và quyết định nhân lực, vật tư, phương tiện theo quy định của Luật Quốc phòng và Luật Dân quân tự vệ để thực hiện nhiệm vụ phòng, chống, khắc phục hậu quả chiến tranh.

2. Người đứng đầu bộ, ngành trung ương, quyết định huy động lực lượng, vật tư, phương tiện, trang bị thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trong phạm vi quyền hạn và lĩnh vực được phân công.

3. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định huy động lực lượng của các ban, ngành, đoàn thể và nhân dân, các loại vật tư, trang bị, phương tiện của địa phương theo thẩm quyền. Tổ chức hiệp đồng các lực lượng thuộc quyền và các lực lượng đến chi viện thống nhất kế hoạch sử dụng lực lượng, chuẩn bị vật tư, trang bị, phương tiện cần thiết để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự trên địa bàn địa phương quản lý.

4. Phương tiện, tài sản được huy động để thực hiện phòng thủ dân sự phải được hoàn trả ngay sau khi kết thúc ứng phó, tìm kiếm cứu nạn, khắc phục hậu quả thảm họa, chiến tranh; trường hợp bị mất, hư hỏng thì được bồi thường theo quy định của Luật trưng mua, trưng dụng tài sản.

Mục 3
CÁC BIỆN PHÁP PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 30. Biện pháp giảm nhẹ hậu quả chiến tranh

1. Trước khi có chiến tranh

a) Xây dựng từ thời bình: Huấn luyện nâng cao nhận thức, kiến thức, hiểu biết về phòng, chống chiến tranh cho các cơ quan, đơn vị và nhân dân;

b) Xây dựng các hầm trú ẩn, công trình ngầm và cải tạo các hang, động;

c) Xây dựng kế hoạch sơ tán người, cơ sở sản xuất ra khỏi khu vực trọng điểm đánh phá và các kế hoạch bảo đảm nhằm thực hiện các biện pháp phòng, tránh có hiệu quả; tổ chức huấn luyện, diễn tập hằng năm theo quy định.

2. Khi có chiến tranh

a) Làm mục tiêu giả, lừa dụ đối phương đánh vào mục tiêu có giá trị thấp;

b) Tiếp tục xây dựng bổ sung hầm ẩn nấp, công trình ngầm, công trình phòng, tránh kết hợp với ngụy trang, nghi binh mục tiêu;

c) Triển khai hệ thống đài quan sát, thông báo, báo động phòng không nhân dân các cấp, kịp thời phát hiện các phương tiện bay của địch, tổ chức thông báo, báo động cho các lực lượng phòng, tránh, đánh trả;

d) Tổ chức sơ tán, phân tán cho người và tài sản của các cơ quan, đơn vị và nhân dân ra khỏi vùng trọng điểm địch đánh phá;

đ) Cất dấu phương tiện, trang bị vào các công trình ngầm, hang, động để ẩn nấp, bảo toàn lực lượng, phương tiện;

e) Dự trữ lương thực, thực phẩm, nước uống cá nhân.

g) Hạn chế không phát ra ánh sáng, tiếng động, tạm dừng thông tin, liên lạc vào ban đêm;

h) Các cơ quan, đơn vị Quân đội và lực lượng Dân quân tự vệ tổ chức phòng tránh, bảo vệ các mục tiêu được phân công, đánh trả địch trên các hướng, áp dụng các biện pháp khắc phục, vô hiệu hóa vũ khí hủy diệt lớn của địch;

i) Nhanh chóng huy động lực lượng, phương tiện ở các cấp tiến hành các biện pháp khẩn cấp, kịp thời cứu chữa và đưa người ra khỏi khu vực xảy ra thảm họa chiến tranh.

3. Khắc phục hậu quả thảm họa do chiến tranh gây ra

a) Tổ chức lực lượng cứu sập, cứu thương vận chuyển, điều trị người bị thương, nhiễm độc, nhiễm xạ; tiêu tẩy, tiêu độc cho các đối tượng; dự trữ vô trùng nước; các biện pháp hạn chế cách ly và chống các tác nhân sinh học trong khu vực bị nhiễm;

b) Đánh giá, thống kê thiệt hại, nhu cầu hỗ trợ, sửa chữa các công trình bị hư hỏng, bảo vệ an ninh, phòng chống dịch bệnh;

c) Khắc phục hậu quả môi trường, nhanh chóng khôi phục sản xuất, thực hiện tốt công tác chính sách, bảo đảm đời sống cho nhân dân và duy trì mọi hoạt động của xã hội.

Điều 31. Biện pháp giảm nhẹ hậu quả thảm họa

1. Xây dựng kế hoạch và triển khai trồng rừng đầu nguồn, các dải ven bờ biển, các cồn bãi ven các sông lớn, khôi phục rừng ngập mặn, rừng chua phèn, rừng sinh thái; thực hiện các biện pháp xử lý ô nhiễm, bảo vệ môi trường sinh thái sông, biển; quản lý bảo vệ chặt chẽ rừng tự nhiên; thực hiện các biện pháp phòng, chống cháy rừng theo quy định của pháp luật về lâm nghiệp.

2. Lập kế hoạch và triển khai xây dựng thế trận phòng thủ dân sự. Kiện toàn hệ thống tổ chức phòng, chống thảm họa và tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ các cấp, các ngành; củng cố hệ thống dự báo, thông báo, cảnh báo, báo động, bảo đảm thông tin thông suốt đến người dân trong khu vực nguy hiểm trên đất liền và trên biển.

3. Các địa phương đồng bằng, thành phố, vùng núi, biên giới, biển, đảo hiệp đồng chặt chẽ với Bộ đội chủ lực, Bộ đội địa phương, Bộ đội Biên phòng, Hải quân, Không quân, Cảnh sát biển, Kiểm ngư, Công an đóng quân trên địa

bàn, tổ chức lực lượng, phương tiện, sẵn sàng ứng phó sự cố, thảm họa, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ người và phương tiện bị nạn. Các chủ phương tiện tàu, thuyền sản xuất, hoạt động trên biển phải thực hiện chế độ đăng kiểm, trang bị phương tiện phòng thủ dân sự để bảo đảm an toàn khi xảy ra thảm họa.

4. Các địa phương, các cấp, các ngành ở vùng hạ lưu, ven biển xây dựng kế hoạch sơ tán cho người và phương tiện ứng phó với sự cố, nguy cơ vỡ hồ, đập thủy điện cấp quốc gia, động đất, sóng thần, bão mạnh, siêu bão; định kỳ hàng năm tổ chức huấn luyện, diễn tập theo quy định.

5. Thực hiện chế độ kiểm tra, phát hiện, xử lý kịp thời các nguy cơ xảy ra thảm họa. Những vùng thường bị lũ ngập sâu, lũ ống, lũ quét, bị nước biển dâng, sông xói lở, động đất, cháy rừng; chất thải, nước thải của khu công nghiệp, khu chế xuất, các doanh nghiệp và bệnh viện gây ra, phải có phương án ứng phó, khắc phục hậu quả theo quy định của pháp luật.

6. Các bộ, ngành trung ương, địa phương, cơ quan, tổ chức có kế hoạch và biện pháp phòng ngừa, ứng phó các sự cố hóa chất độc, bức xạ, hạt nhân, sinh học độc hại, sự cố môi trường theo quy định của pháp luật và hướng dẫn của các bộ, ngành liên quan.

7. Chuẩn bị lực lượng, phương tiện, vật chất, thuốc, hóa chất, kế hoạch ứng phó với thương vong hàng loạt do thảm họa gây ra.

8. Khi có cảnh báo, thông báo, báo động nguy cơ xảy ra thảm họa, người đứng đầu các bộ, ngành, Ủy ban nhân dân các cấp thực hiện:

a) Tổ chức và duy trì hoạt động của cơ quan thường trực phòng thủ dân sự ở các cấp theo quyết định của cấp có thẩm quyền;

b) Triển khai ngay các biện pháp khẩn cấp bảo vệ nhân dân, bảo vệ các cơ quan, tổ chức, các hoạt động kinh tế, xã hội, quốc phòng, an ninh, kiểm tra các công trình phòng, chống thảm họa để đưa vào sử dụng khi cần thiết;

c) Điều hành, chỉ huy các lực lượng, phương tiện, trang thiết bị, vật tư chuyên dùng thuộc phạm vi quản lý để chuẩn bị xử lý các tình huống, khắc phục hậu quả thảm họa theo kế hoạch phòng thủ dân sự;

d) Thực hiện các biện pháp đặc biệt khi có tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Điều 32. Biện pháp khi có thảm họa

1. Sơ tán nhân dân, phân tán tài sản của Nhà nước và nhân dân đến khu vực an toàn; bảo đảm trang bị, phương tiện bảo vệ cá nhân, lương thực thực phẩm, nước uống và các đồ dùng sinh hoạt thiết yếu cho người trong khu vực xảy ra thảm họa.

2. Quan sát, trinh sát phát hiện kịp thời, đánh dấu, khoanh vùng, tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng cho người, trang bị, phương tiện ở khu vực bị nhiễm phóng xạ, sinh học, hóa chất độc hại.

3. Các cơ quan chức năng thuộc bộ, ngành trung ương, địa phương tạo điều kiện thuận lợi cho các lực lượng, phương tiện cơ động, tiếp cận, nhanh chóng đến hiện trường để kịp thời tiến hành các biện pháp khẩn cấp, ứng phó với các thảm họa.

4. Sơ cứu, chuyển nạn nhân đến các cơ sở y tế gần nhất.

5. Tiếp tế nhiên liệu, lương thực, thực phẩm, thuốc y tế và các vật chất cần thiết khác đến các khu vực bị nạn, kịp thời cứu trợ và bảo đảm đời sống, sinh hoạt cho nhân dân ở những vùng, khu vực bị chia cắt do thảm họa gây ra.

6. Các cấp, các ngành triển khai thực hiện các biện pháp khẩn cấp, nhanh chóng khắc phục hậu quả thảm họa, sớm ổn định tình hình chính trị xã hội và đời sống của nhân dân.

7. Bảo đảm an ninh trật tự; phòng, chống dịch bệnh, vệ sinh môi trường tại những khu vực xảy ra thảm họa.

8. Khi có sự hỗ trợ của quốc tế về ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn: Bộ Quốc phòng chủ trì hoặc phối hợp với các Bộ: Công an, Giao thông vận tải, Ngoại giao, Tài chính chỉ đạo các cơ quan chức năng thuộc quyền làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh, nhập khẩu, xuất khẩu:

a) Đối với người được phép đến Việt Nam, được làm thủ tục nhập cảnh, xuất cảnh ưu tiên tại các cửa khẩu đường không, đường thủy, đường bộ; trường hợp chưa có thị thực, được cấp thị thực tại cửa khẩu;

b) Phương tiện, trang thiết bị, hàng hóa được phép nhập khẩu, tái xuất sau khi hoàn thành hoạt động ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn được ưu tiên làm thủ tục thông quan tại các cửa khẩu đường không, đường thủy, đường bộ;

c) Tiếp nhận, điều phối, triển khai bố trí lực lượng, phương tiện của nước ngoài tham gia hỗ trợ nhân đạo, cứu trợ thảm họa nhanh nhất, bảo đảm an toàn.

Điều 33. Biện pháp bảo vệ nhân dân trong và sau khi xảy ra thảm họa và chiến tranh

1. Chủ động phòng ngừa, chuẩn bị trước các trang bị phòng hộ; kịp thời thông báo, báo động, hướng dẫn, phân tán, sơ tán nhân dân đến khu vực an toàn, ít nguy hiểm.

2. Cấp cứu, tìm kiếm, cứu hộ, cứu nạn người và phương tiện bị nạn.

3. Kịp thời cứu trợ và bảo đảm các điều kiện về ăn, ở, vệ sinh cho nhân dân ở những vùng, khu vực bị chia cắt do thảm họa gây ra.

4. Cảnh báo không cho người, phương tiện không có phận sự vào khu vực xảy ra thảm họa.

5. Bảo vệ an ninh trật tự tại khu vực xảy ra thảm họa, nơi sơ tán nhân dân.

6. Tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng, khắc phục hậu quả ô nhiễm môi trường, phòng chống dịch bệnh, ổn định đời sống nhân dân, phục hồi và phát triển sản xuất.

7. Hành động của nhân dân:

a) Chấp hành lệnh thông báo, báo động và tuân thủ hướng dẫn của cơ quan thường trực phòng thủ dân sự và lực lượng phòng thủ dân sự;

b) Các phương tiện, vật dụng bảo vệ cá nhân được chuẩn bị sẵn, sử dụng khi có báo động hoặc hướng dẫn của lực lượng phòng thủ dân sự;

c) Tự mình hoặc giúp đỡ người khác cấp cứu hoặc tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng ban đầu;

d) Chấp hành nghiêm việc sơ tán, ẩn nấp và chỉ được rời khỏi vị trí khi có lệnh, tín hiệu báo an toàn của cấp có thẩm quyền.

8. Thực hiện các biện pháp đặc biệt khi có tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Điều 34. Biện pháp bảo vệ cơ quan, tổ chức, nền kinh tế quốc dân trong và sau khi xảy ra thảm họa và chiến tranh

1. Chỉ đạo, điều hành thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự theo kế hoạch và sự chỉ đạo của cơ quan thường trực về phòng thủ dân sự cùng cấp.

2. Huy động lực lượng, phương tiện tiến hành sơ tán người, vật chất, trang bị, phương tiện của cơ quan, tổ chức đến khu vực an toàn, ít nguy hiểm; tiến hành biện pháp ngụy trang, che chắn, bảo đảm an ninh trật tự nơi ở, làm việc của cơ quan, tổ chức ở nơi sơ tán.

3. Khắc phục hậu quả, nhanh chóng phục hồi sản xuất, công tác.

4. Lực lượng phòng thủ dân sự thực hiện các biện pháp

a) Triển khai lắp đặt các thiết bị an toàn cho các công trình phòng tránh để đưa vào sử dụng; cấp phát các phương tiện phòng hộ cá nhân;

b) Thông báo, báo động, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động chấp hành các quy định về trú ẩn và sử dụng các công trình phòng tránh;

c) Tổ chức, hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động sơ tán khi có lệnh, các lực lượng phòng cháy, chữa cháy, cứu sập, tìm kiếm cứu nạn, lực lượng hóa học sẵn sàng làm nhiệm vụ;

d) Tổ chức xử lý y tế và chôn cất người chết, xác động vật; khử trùng, tiêu độc và dập dịch; hướng dẫn cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thực hiện các biện pháp phòng dịch;

đ) Thực hiện các biện pháp bảo vệ an ninh trật tự, bảo đảm vệ sinh an toàn thực phẩm, bảo vệ môi trường, trinh sát, phát hiện, đánh dấu, khoanh vùng, tiêu độc, tẩy xạ, diệt trùng cho người, phương tiện, cơ sở vật chất bị nhiễm các tác nhân phóng xạ, hóa học và sinh học cách ly khu vực xảy ra thảm họa.

5. Thực hiện các biện pháp đặc biệt khi có tình trạng khẩn cấp theo quy định của pháp luật về tình trạng khẩn cấp.

Mục 4
CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH ĐỐI VỚI NGƯỜI THAM GIA PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 35. Chế độ tiền lương, tiền công đối với người được huy động huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự

1. Người không hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ như sau:

a) Đối với người được huy động huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự: Mức trợ cấp theo ngày được huy động thấp nhất bằng 0,04 lần mức lương cơ sở theo quyết định của Chính phủ tại thời điểm đó (gọi tắt là mức lương cơ sở);

b) Đối với người được huy động làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự: Mức trợ cấp theo ngày được huy động thấp nhất bằng 0,1 lần mức lương cơ sở. Trường hợp làm nhiệm vụ có liên quan trực tiếp đến chất phóng xạ, tác nhân sinh học, hóa chất độc hại thì mức trợ cấp thấp nhất bằng 0,15 lần mức lương cơ sở;

c) Nếu huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự vào ban đêm (từ 22 giờ ngày hôm trước đến 06 giờ ngày hôm sau) được tính gấp đôi mức trợ cấp theo quy định tại điểm a, điểm b khoản 1 Điều này; làm nhiệm vụ ở nơi có yếu tố nguy hiểm, độc hại thì được bồi dưỡng bằng hiện vật theo quy định của pháp luật;

d) Khi tập trung huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự cách xa nơi cư trú, không có điều kiện đi, về hàng ngày thì được bố trí nơi ăn, nghỉ, hỗ trợ phương tiện, chi phí đi lại hoặc thanh toán tiền tàu xe một lần đi và về theo quy định của Bộ Tài chính; được hỗ trợ tiền ăn theo mức do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quy định, nhưng không thấp hơn mức tiền ăn cơ bản của chiến sĩ bộ binh trong Quân đội nhân dân Việt Nam;

đ) Cấp nào huy động thì cấp đó bảo đảm chi trả.

2. Người được hưởng lương từ ngân sách nhà nước trong thời gian được huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền được cơ quan, tổ chức nơi người đó làm việc trả nguyên lương, các khoản phúc lợi, phụ cấp đi đường và tiền tàu xe. Khi làm việc trong môi trường độc hại hoặc nơi có phụ cấp khu vực thì được hưởng theo chế độ hiện hành.

Trường hợp người lao động hợp đồng trong thời gian tham gia huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự được tạm hoãn thực hiện hợp đồng lao động và được hưởng các chế độ tiền lương, phụ cấp theo quy định.

Chi phí cho các khoản nói trên được tính vào ngân sách chi hoạt động thường xuyên của cơ quan, đơn vị.

3. Đối với người lao động làm việc tại doanh nghiệp, tổ chức không hưởng lương từ ngân sách nhà nước, trong thời gian được huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền được cơ quan huy động trả tiền lương và các chế độ khác theo quy định tại khoản 1 Điều này.

Ngân sách bảo đảm được các đơn vị, doanh nghiệp tính vào chi phí quản lý sản xuất, kinh doanh.

4. Cán bộ, chiến sĩ dân quân tự vệ, công an xã được huy động huấn luyện, diễn tập, làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật.

Điều 36. Chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự bị ốm đau, tai nạn hoặc chết

1. Người tham gia lực lượng phòng thủ dân sự (kể cả đối tượng là người lao động trong các đơn vị, doanh nghiệp không hưởng lương từ ngân sách nhà nước), thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế (BHXH, BHYT) nếu bị ốm đau, tai nạn hoặc chết trong thời gian tập trung huấn luyện, thì được hưởng chế độ về ốm đau, tai nạn lao động, tử tuất theo quy định của pháp luật về lao động, BHXH, BHYT và an toàn, vệ sinh lao động (thời gian tính từ khi được huy động, bắt đầu đi thực hiện nhiệm vụ đến khi hoàn thành, về đến nơi cư trú hoặc từ khi được huy động, bắt đầu đi thực hiện nhiệm vụ đến khi bị tai nạn lao động hoặc chết).

Trường hợp vì lý do dùng chất kích thích hủy hoại sức khỏe hoặc sử dụng ma túy, chất gây nghiện khác trái với quy định của pháp luật thì không được hưởng chế độ tại khoản 1 Điều này

2. Trách nhiệm của người chỉ huy trực tiếp và cơ quan, tổ chức ra quyết định huy động khi xảy ra tai nạn trong thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự:

a) Kịp thời sơ cứu, cấp cứu tại chỗ đối với người bị tai nạn, sau đó chuyển ngay đến cơ sở y tế gần nhất;

b) Lập biên bản, ghi đầy đủ diễn biến vụ tai nạn, thương tích nạn nhân, mức độ thiệt hại, nguyên nhân xảy ra tai nạn, có chữ ký của người đại diện tập thể cán bộ, nhân viên cùng tham gia huấn luyện, làm nhiệm vụ. Trường hợp bị tai nạn trên đường đi và về, thì biên bản phải có dấu, chữ ký của người đại diện chính quyền địa phương nơi xảy ra tai nạn.

3. Chế độ, chính sách đối với người tham gia lực lượng phòng thủ dân sự không thuộc đối tượng tham gia BHXH, BHYT bị ốm đau, tai nạn, hoặc chết được hưởng chế độ:

a) Bị ốm đau:

Trong thời gian huy động huấn luyện, làm nhiệm vụ thì được thanh toán tiền khám, chữa bệnh như quy định đối với người tham gia đóng BHXH;

Đến khi hết thời gian huy động làm nhiệm vụ mà điều trị bệnh chưa khỏi phải tiếp tục điều trị bệnh: Nếu phải điều trị thêm 15 ngày thì được thanh toán 50% số tiền chi phí điều trị và 30% của 15 ngày kế tiếp, tổng thời gian được hưởng không quá 30 ngày.

b) Bị tai nạn:

Được thanh toán chi phí y tế trong quá trình sơ cứu, cấp cứu đến khi điều trị ổn định thương tật, xuất viện;

Sau khi điều trị được cơ quan triệu tập lập hồ sơ giới thiệu đi giám định mức suy giảm khả năng lao động tại Hội đồng giám định y khoa địa phương nơi cư trú để giám định mức suy giảm khả năng lao động;

Trường hợp bị suy giảm khả năng lao động từ 5% trở lên thì chuyển cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương giải quyết với mức trợ cấp bằng 05 lần mức lương cơ sở, sau đó cứ suy giảm thêm 1% thì được hưởng thêm 0,5 lần mức lương cơ sở;

Người bị tai nạn bị mất một hay nhiều bộ phận cơ thể hoặc chức năng, biểu hiện dưới những dạng tật khác nhau, làm suy giảm khả năng lao động, khiến cho việc lao động, sinh hoạt, học tập gặp nhiều khó khăn được hưởng các chế độ ưu đãi theo quy định của pháp luật đối với người khuyết tật, do cơ quan Lao động - Thương binh và Xã hội địa phương giải quyết.

c) Bị chết:

Trong thời gian điều trị nếu bị chết thì được hưởng trợ cấp tiền tuất, tiền mai táng phí như quy định đối với người tham gia đóng BHXH;

Trường hợp chết do tái phát vết thương, người lo mai táng được hưởng tiền mai táng phí bằng 10 lần mức lương cơ sở.

4. Kinh phí chi trả các chế độ khi bị ốm đau, tai nạn hoặc chết:

a) Đối với người không tham gia BHXH, BHYT do ngân sách nhà nước bảo đảm;

b) Đối với người có tham gia đóng BHXH, BHYT thì tiền khám chữa bệnh do quỹ BHYT chi trả; người có tham gia đóng BHXH thì chế độ tử tuất và chế độ trợ cấp một lần hoặc hàng tháng do quỹ BHXH chi trả.

5. Cán bộ, chiến sĩ, dân quân tự vệ thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo quyết định của cấp có thẩm quyền bị tai nạn, thì được hưởng chế độ theo quy định của pháp luật về dân quân tự vệ.

Điều 37. Chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự bị thương, hy sinh

Người được huy động tham gia lực lượng phòng thủ dân sự bị thương, hy sinh trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, nếu có đủ điều kiện, được xem xét công nhận là liệt sĩ, thương binh, người hưởng chính sách như thương binh theo quy định của pháp luật về ưu đãi người có công với cách mạng.

Mục 5
NGUỒN NGÂN SÁCH, NỘI DUNG CHI NGÂN SÁCH CHO HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 38. Ngân sách bảo đảm cho hoạt động phòng thủ dân sự

1. Nguồn kinh phí bảo đảm

a) Ngân sách nhà nước bảo đảm cho các cơ quan, đơn vị hoạt động phòng thủ dân sự thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước đảm bảo;

b) Ngân sách bảo đảm cho phòng thủ dân sự tại các doanh nghiệp được trừ các khoản chi khi xác định thu nhập chịu thuế, nếu đáp ứng đủ các điều kiện sau đây: Khoản chi theo nội dung chi quy định tại Điều 40 Nghị định này; khoản chi có đủ hóa đơn, chứng từ theo quy định của pháp luật;

c) Các khoản thu hợp pháp khác theo quy định.

2. Lập dự toán, chấp hành và quyết toán ngân sách, kinh phí

a) Việc lập dự toán, thanh, quyết toán kinh phí của các cơ quan, đơn vị thuộc đối tượng do ngân sách nhà nước bảo đảm thực hiện theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước và các văn bản hướng dẫn;

b) Đối tượng các trường hợp còn lại, việc lập dự toán, thanh, quyết toán kinh phí thực hiện theo chế độ kế toán tài chính hiện hành áp dụng đối với các đơn vị.

Điều 39. Nội dung chi ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự

1. Chi đầu tư phát triển

a) Chi đầu tư xây dựng các công trình cơ sở hạ tầng, các công trình trú ẩn tại các khu sơ tán, các trạm tiếp nhận, kho tàng phục vụ hoạt động phòng thủ dân sự do các bộ, ngành, địa phương quản lý;

b) Chi xây dựng các công trình phòng thủ dân sự trọng điểm;

c) Chi thực hiện các dự án sản xuất, mua sắm phương tiện, trang thiết bị phục vụ công tác phòng thủ dân sự do các bộ, ngành, địa phương quản lý.

2. Chi thường xuyên

a) Chi tiền công, chế độ chính sách, các khoản phụ cấp, các khoản đóng góp theo tiền công;

b) Chi duy trì hoạt động của các phương tiện thường trực phòng thủ dân sự;

c) Chi tập huấn, huấn luyện, diễn tập phòng thủ dân sự;

d) Chi đào tạo, nghiên cứu khoa học;

đ) Chi sản xuất, mua sắm vật tư, trang thiết bị thường xuyên và dự trữ phục vụ nhiệm vụ chuyên môn của hoạt động phòng thủ dân sự;

e) Chi sửa chữa thường xuyên, bảo quản, vận chuyển trang thiết bị, phương tiện phòng thủ dân sự;

g) Chi bảo quản, sửa chữa các công trình phòng thủ dân sự;

h) Chi bảo quản, sửa chữa thường xuyên trụ sở, cầu cảng, kho tàng, thao trường huấn luyện, công trình kết cấu hạ tầng, phương tiện làm việc;

i) Chi đăng ký, đăng kiểm, bảo hiểm, bồi thường thiệt hại phương tiện, trang thiết bị phục vụ phòng thủ dân sự;

k) Chi hợp tác quốc tế; thông tin, tuyên truyền, liên lạc; công tác phí; hội nghị; thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng về phòng thủ dân sự.

3. Chi thanh toán thực hiện nhiệm vụ đột xuất phát sinh trong năm cho hoạt động phòng thủ dân sự

a) Chi phí nguyên nhiên vật liệu; phương tiện, trang bị cung cấp cho nhiệm vụ đột xuất phòng thủ dân sự;

b) Chi phí tiền ăn thêm, bồi dưỡng cho các lực lượng tham gia phòng thủ dân sự;

c) Chi phí cấp cứu người bị nạn, đảm bảo y tế cho các lực lượng tham gia phòng thủ dân sự;

d) Chi thuê phương tiện, chi phí sửa chữa các phương tiện (nếu bị hư hỏng do nguyên nhân khách quan) được huy động tham gia phòng thủ dân sự theo lệnh điều động của cấp có thẩm quyền;

đ) Chi trả cho các tổ chức, cá nhân, chủ phương tiện tham gia cứu hộ, cứu nạn nhưng bị rủi ro do thiên tai, thảm họa, chiến tranh;

e) Chi phí khác có liên quan trực tiếp đến phòng thủ dân sự.

4. Phân cấp chi mua sắm phương tiện, vật tư, xây dựng các công trình phòng thủ dân sự do Bộ Quốc phòng chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các cơ quan liên quan hướng dẫn.

5. Chi đầu tư phát triển, chi thường xuyên, chi thực hiện nhiệm vụ đột xuất phát sinh bảo đảm cho phòng thủ dân sự thực hiện theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước.

Chương IV
TRÁCH NHIỆM CỦA CÁC CƠ QUAN, TỔ CHỨC TRONG HOẠT ĐỘNG PHÒNG THỦ DÂN SỰ

Điều 40. Trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức

1. Bộ Quốc phòng

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành liên quan ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về phòng thủ dân sự; hướng dẫn thực hiện Nghị định này;

b) Bảo đảm các điều kiện hoạt động của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia và tổ chức bộ máy của mình để tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia;

c) Chủ trì, phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư, Bộ Tài chính và các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng chiến lược quốc gia phòng thủ dân sự, kế hoạch phòng thủ dân sự quốc gia trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt; chỉ đạo, hướng dẫn các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng kế hoạch, bảo đảm ngân sách và bảo đảm phương tiện, vật tư thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công trong phạm vi cả nước; thẩm định kế hoạch phòng thủ dân sự của các bộ, ngành trung ương, tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt, đến năm 2020 hoàn thành. Từ năm 2021 trở đi triển khai thực hiện các kế hoạch;

d) Chủ trì, phối hợp với Bộ Giáo dục và Đào tạo, Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội, các bộ, ngành trung ương có liên quan xây dựng chương trình, nội dung tuyên truyền giáo dục, huấn luyện, diễn tập, bồi dưỡng kiến thức phòng thủ dân sự cho lực lượng nòng cốt, cán bộ, đảng viên, công chức, học sinh, sinh viên, học viên và toàn dân trên lĩnh vực được phân công;

đ) Chỉ đạo các Quân khu: Hướng dẫn chỉ đạo cơ quan quân sự địa phương các cấp là cơ quan thường trực, chủ động tham mưu cho Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện công tác phòng thủ dân sự trên lĩnh vực được phân công;

e) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương chỉ đạo xây dựng các công trình phòng, chống chiến tranh, ứng phó thảm họa, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ; chỉ đạo, chỉ huy các lực lượng thuộc quyền làm nhiệm vụ khi có chiến tranh, ứng phó thảm họa, tìm kiếm, cứu nạn, cứu hộ khắc phục hậu quả thảm họa, chiến tranh;

g) Chủ trì, phối hợp với Bộ Xây dựng và các bộ, ngành trung ương có liên quan thẩm định kế hoạch xây dựng các công trình đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự;

h) Tổ chức việc nghiên cứu, phổ biến và ứng dụng tiến bộ khoa học và công nghệ về phòng thủ dân sự;

i) Thực hiện nhiệm vụ là đầu mối hợp tác quốc tế ứng phó thảm họa và tìm kiếm cứu nạn. Trình Chính phủ về việc tham gia các tổ chức quốc tế, ký kết hoặc tham gia các điều ước quốc tế về hoạt động phòng thủ dân sự; thực hiện các hoạt động quốc tế liên quan đến hoạt động phòng thủ dân sự theo thẩm quyền;

k) Giúp Thủ tướng Chính phủ tổ chức thống kê, kiểm tra, thanh tra, sơ kết, tổng kết, khen thưởng công tác phòng thủ dân sự trên lĩnh vực được phân công.

2. Bộ Công an

a) Ban hành theo thẩm quyền hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành và chỉ đạo thực hiện văn bản quy phạm pháp luật về bảo đảm an ninh, trật tự an toàn xã hội trong phòng thủ dân sự;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan và chính quyền địa phương xây dựng kế hoạch, phương án và tổ chức thực hiện nhiệm vụ bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trong vùng, khu vực xảy ra thảm họa, sự cố, thiên tai, dịch bệnh;

c) Chỉ đạo lực lượng Công an xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự; phối hợp với các lực lượng vũ trang và đơn vị liên quan tổ chức lực lượng, phương tiện sẵn sàng, ứng phó thảm họa, tìm kiếm cứu nạn theo quy định;

d) Chủ trì nghiên cứu âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chống đối lợi dụng thảm họa, sự cố để kích động chống phá; trao đổi thông tin cho các bộ, ngành trung ương, địa phương tuyên truyền cho quần chúng nhân dân nhận thức, phòng tránh.

3. Bộ Y tế

a) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát các địa phương, các đơn vị trực thuộc thực hiện nghiêm chỉ đạo của Chính phủ về xây dựng, huấn luyện lực lượng huy động ngành y tế;

b) Phối hợp với Bộ Quốc phòng quy hoạch hệ thống các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y khu vực biên giới, trên biển, đảo, tăng cường năng lực hệ thống y tế phòng thủ dân sự;

c) Phối hợp với Bộ Tài chính ban hành cơ chế thanh toán chi phí khám bệnh, chữa bệnh, xử lý môi trường, phòng chống dịch bệnh tối nguy hiểm trong tình huống thảm họa;

d) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư đề xuất chủ trương đầu tư cho các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh quân dân y khu vực biên giới, trên biển, đảo theo quy định.

4. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện đầy đủ các biện pháp giảm nhẹ hậu quả thảm họa thiên tai theo quy định của pháp luật về phòng, chống thiên tai;

b) Phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng kế hoạch và thực hiện việc bảo đảm an ninh nông, lâm, ngư, diêm nghiệp và phát triển nông thôn đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự.

5. Bộ Tài nguyên và Môi trường

a) Trình Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ ban hành hoặc ban hành theo thẩm quyền các văn bản quy phạm pháp luật trong lĩnh vực khắc phục hậu quả thảm họa về môi trường. Chỉ đạo và điều phối việc tổ chức kiểm tra, xác định khu vực bị ô nhiễm môi trường trên địa bàn liên tỉnh, liên quốc gia, hướng dẫn việc xác định thiệt hại và việc tổ chức khắc phục ô nhiễm môi trường, suy thoái môi trường;

b) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Thông tin và Truyền thông và các bộ, ngành trung ương có liên quan xây dựng trung tâm nghiên cứu, hệ thống dự báo, cảnh báo thảm họa thiên nhiên, môi trường liên quan đến phòng thủ dân sự.

6. Bộ Kế hoạch và Đầu tư

Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài chính và các bộ, ngành trung ương có liên quan thẩm định các dự án theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản hướng dẫn, bảo đảm sự kết hợp phát triển kinh tế, xã hội với đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự trong thời bình và thời chiến; cân đối ngân sách đầu tư phát triển trong dự toán ngân sách hàng năm để đảm bảo các bộ, ngành trung ương, địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

7. Bộ Tài chính

a) Ban hành hoặc trình cấp có thẩm quyền ban hành các văn bản về quản lý và sử dụng ngân sách thực hiện công tác phòng thủ dân sự; phối hợp với các bộ, ngành trung ương, địa phương liên quan bảo đảm ngân sách cho thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự;

b) Tổ chức điều hành việc thực hiện kế hoạch dự trữ quốc gia được Thủ tướng Chính phủ giao, thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ quyết định xuất cấp kịp thời, đầy đủ hàng dự trữ quốc gia phục vụ công tác phòng thủ dân sự khi có lệnh của cấp có thẩm quyền.

8. Bộ Giao thông vận tải

a) Chủ trì, phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành trung ương có liên quan và Ủy ban nhân dân cấp tỉnh xây dựng và triển khai các kế hoạch, phương án về sử dụng hạ tầng giao thông, các trang thiết bị, phương tiện, vật tư vận tải trong phạm vi phụ trách để thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự. Khi xảy ra thảm họa, chiến tranh chỉ đạo, điều hành các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức lực lượng, phương tiện sơ tán nhân dân, tìm kiếm cứu nạn theo chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Phòng thủ dân sự Quốc gia;

b) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Ngoại giao chỉ đạo chuyên ngành Hàng hải, Hàng không trong việc cấp phép và phối hợp với lực lượng, phương tiện của nước ngoài thực hiện tìm kiếm cứu nạn khi xảy ra thảm họa.

9. Bộ Xây dựng

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan ban hành các văn bản hướng dẫn quy chuẩn, tiêu chuẩn xây dựng các công trình, xây dựng tầng hầm thuộc các nhà cao tầng, dự án đầu tư theo các yêu cầu về phòng thủ dân sự;

b) Chỉ đạo các doanh nghiệp thuộc quyền phối hợp với các địa phương trên địa bàn đứng chân tổ chức các đội ứng phó, khắc phục hậu quả thảm họa, hậu quả chiến tranh;

c) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Kế hoạch và Đầu tư thẩm định quy hoạch, dự án phát triển kinh tế - xã hội gắn với xây dựng dự án công trình phòng thủ dân sự ở từng cấp, từng địa phương đáp ứng yêu cầu phòng thủ dân sự theo quy định của pháp luật.

10. Bộ Thông tin và Truyền thông

a) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan thống nhất quy định các tần số trực canh, cấp cứu khẩn cấp, xây dựng kế hoạch bảo đảm quyền ưu tiên sử dụng các phương tiện thông tin liên lạc phục vụ chỉ đạo, điều hành trên các lĩnh vực về phòng thủ dân sự;

b) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, Bộ Tài nguyên và Môi trường xây dựng mạng thông tin liên lạc, thông báo, báo động giữa các đài quan sát, trạm quan sát, trung tâm nghiên cứu với cơ quan thường trực phòng thủ dân sự các cấp theo quy định;

c) Phối hợp với Bộ Công an tuyên truyền cho nhân dân nhận thức, cảnh giác trước âm mưu, thủ đoạn của các thế lực thù địch, chống đối lợi dụng thảm họa, sự cố để kích động chống phá;

d) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền, các doanh nghiệp Bưu chính, Viễn thông huy động lực lượng, phương tiện của ngành tham gia bảo đảm an toàn, an ninh mạng, thông tin liên lạc phục vụ nhiệm vụ phòng thủ dân sự; sử dụng các phương tiện thông tin đại chúng tiến hành tuyên truyền, giáo dục về phòng thủ dân sự cho toàn dân theo quy định.

11. Bộ Công Thương

a) Quản lý chặt chẽ việc sản xuất, khai thác điện nguyên tử, khoáng sản, hóa chất độc hại, vật liệu nổ công nghiệp để hạn chế nguy cơ xảy ra thảm họa trong lĩnh vực công nghiệp; quản lý chặt chẽ việc xuất nhập khẩu các loại hóa chất độc hại, gây nguy hiểm;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương có liên quan chỉ đạo và hướng dẫn việc xử lý các vụ nổ, sập hầm lò ở các cơ sở sản xuất, khai thác điện nguyên tử, than, dầu mỏ, hóa chất, vật liệu nổ công nghiệp;

c) Phối hợp với Bộ Kế hoạch và Đầu tư xây dựng kế hoạch dự trữ nguồn năng lượng để duy trì các hoạt động quốc phòng, an ninh, kinh tế - xã hội và phục vụ nhiệm vụ phòng thủ dân sự;

d) Ổn định giá cả thị trường, bảo đảm các mặt hàng thiết yếu cho nhân dân trong vùng xảy ra thảm họa và khi có chiến tranh.

12. Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội

a) Chỉ đạo, hướng dẫn các cơ quan, thuộc quyền triển khai các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự vào nội dung phổ biến giáo dục pháp luật cho công chức, viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, người học thuộc giáo dục nghề nghiệp;

b) Phối hợp với Bộ Quốc phòng hướng dẫn chế độ, chính sách đối với lực lượng phòng thủ dân sự khi huấn luyện, diễn tập và làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

13. Bộ Ngoại giao

a) Chỉ đạo các cơ quan thuộc quyền, các cơ quan đại diện ngoại giao và cơ quan đại diện lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài, phối hợp với các nước, các tổ chức quốc tế tìm kiếm cứu nạn đối với người, phương tiện của các tổ chức, cá nhân Việt Nam gặp nạn khi hoạt động trên vùng biển nước ngoài và vùng biển quốc tế, bao gồm cả vùng tìm kiếm cứu nạn hàng hải, hàng không;

b) Chủ trì, phối hợp với các bộ, ngành trung ương chức năng thông qua đường ngoại giao, đề nghị các cơ quan chức năng nước ngoài giúp đỡ tổ chức tìm kiếm cứu nạn người, phương tiện của Việt Nam bị nạn; làm các thủ tục cần thiết và giải quyết các vấn đề phát sinh để đưa người, phương tiện về nước;

c) Phối hợp, hướng dẫn tìm kiếm cứu nạn, cứu hộ người và phương tiện nước ngoài gặp thảm họa trên lãnh thổ Việt Nam;

d) Hướng dẫn các bộ, ngành trung ương, địa phương, lực lượng chức năng thường xuyên tăng cường hợp tác quốc tế để phát huy sức mạnh toàn diện của cả hệ thống chính trị và toàn xã hội trong phòng thủ dân sự.

14. Bộ Giáo dục và Đào tạo

a) Chỉ đạo, hướng dẫn cơ quan thuộc quyền, cơ sở giáo dục triển khai các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự vào nội dung phổ biến giáo dục pháp luật cho công chức, viên chức, cán bộ quản lý giáo dục, người học thuộc giáo dục phổ thông, giáo dục đại học, giáo dục thường xuyên, trung cấp sư phạm, cao đẳng sư phạm;

b) Phối hợp với Bộ Quốc phòng và các bộ, ngành trung ương, địa phương xây dựng, tổ chức đào tạo nguồn nhân lực thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự.

15. Các bộ, ngành, cơ quan, tổ chức khác ở trung ương

a) Phối hợp với Bộ Quốc phòng, các bộ, ngành trung ương, cơ quan liên quan ban hành và trình cấp có thẩm quyền các văn bản pháp luật về phòng thủ dân sự thuộc lĩnh vực được phân công;

b) Tổ chức tuyên truyền, giáo dục cho cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc quyền về nội dung, biện pháp phòng thủ dân sự;

c) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của bộ, ngành cơ quan, tổ chức gửi Bộ Quốc phòng thẩm định, trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt;

d) Chỉ đạo các cơ quan, đơn vị thuộc quyền tổ chức thực hiện kế hoạch, biện pháp phòng thủ dân sự trên lĩnh vực được phân công phụ trách. Đồng thời chỉ đạo kịp thời việc tổ chức lực lượng, phương tiện của mình làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo lệnh điều động của cấp có thẩm quyền;

đ) Phối hợp với Bộ Quốc phòng tiến hành thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết việc thực hiện công tác phòng thủ dân sự.

Điều 41. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân các cấp

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Ban hành các văn bản hướng dẫn về phòng thủ dân sự ở địa phương theo thẩm quyền; chỉ đạo tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự;

b) Chỉ đạo giáo dục, tuyên truyền, vận động cán bộ, công chức, viên chức người lao động, nhân dân tham gia phòng thủ dân sự; nâng cao ý thức cảnh giác cho các tầng lớp nhân dân tại địa phương, đặc biệt là ở những vùng sâu, xa về nguy cơ và cách phòng tránh thảm họa thiên tai để giảm thiểu tối đa thiệt hại cho nhân dân;

c) Bố trí ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự và đầu tư trang bị phương tiện phòng thủ dân sự;

d) Chỉ đạo xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự, kế hoạch xây dựng thế trận phòng thủ dân sự của địa phương và triển khai thực hiện các kế hoạch. Huy động lực lượng, phương tiện, vật tư của địa phương, của các cơ quan, tổ chức trung ương hoạt động tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo sự chỉ đạo của cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên;

đ) Chỉ đạo tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện và diễn tập về phòng thủ dân sự cho các lực lượng thuộc quyền;

e) Tổ chức các lực lượng thuộc quyền thực hiện các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, bảo vệ nhân dân khi có chiến tranh;

g) Kiến nghị với các cơ quan phòng thủ dân sự cấp trên để huy động lực lượng, phương tiện của các bộ, ngành trung ương, địa phương khác phối hợp thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp mình;

h) Thực hiện chế độ, chính sách bảo đảm cho công tác phòng thủ dân sự;

i) Chỉ đạo và thực hiện công tác thanh tra, kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo, khen thưởng về phòng thủ dân sự ở địa phương;

k) Thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên, Chính phủ và Bộ Quốc phòng về phòng thủ dân sự.

2. Ủy ban nhân dân cấp xã trong phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của mình có trách nhiệm:

a) Tổ chức thực hiện các quy định của pháp luật về phòng thủ dân sự tại địa phương; bảo đảm các điều kiện an toàn về phòng thủ dân sự;

b) Tổ chức tuyên truyền, hướng dẫn, giáo dục pháp luật, kiến thức về phòng thủ dân sự cho các tổ, đội làm nhiệm vụ phòng thủ dân sự; xây dựng phong trào quần chúng phòng thủ dân sự;

c) Bảo đảm ngân sách cho hoạt động phòng thủ dân sự; trang bị phương tiện phòng thủ dân sự;

d) Xây dựng kế hoạch phòng thủ dân sự của địa phương, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp trên tổng hợp, chỉ đạo và thực hiện kế hoạch, phương án huy động lực lượng, phương tiện, vật tư của địa phương, của các cơ quan, tổ chức hoạt động tại địa phương thực hiện nhiệm vụ phòng thủ dân sự theo sự chỉ đạo của Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp huyện;

đ) Tổ chức xây dựng lực lượng, huấn luyện và diễn tập về phòng thủ dân sự theo quy định; thực hiện các biện pháp phòng, chống, khắc phục hậu quả thảm họa, bảo vệ nhân dân khi có chiến tranh;

e) Kiến nghị với Ban Chỉ huy Phòng thủ dân sự cấp huyện để huy động lực lượng, phương tiện của các cơ quan, tổ chức khác phối hợp thực hiện các biện pháp phòng thủ dân sự trong trường hợp vượt quá khả năng ứng phó của cấp mình;

g) Thực hiện chế độ, chính sách bảo đảm cho công tác phòng thủ dân sự;

h) Thực hiện công tác kiểm tra, sơ kết, tổng kết, báo cáo, khen thưởng về phòng thủ dân sự ở địa phương;

i) Thống kê, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện về phòng thủ dân sự.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 42. Hiệu lực thi hành

1. Nghị định này có hiệu lực thi hành từ ngày 16 tháng 02 năm 2019.

2. Nghị định này thay thế Nghị định số 117/2008/NĐ-CP ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Chính phủ về phòng thủ dân sự.

Điều 43. Trách nhiệm thi hành

Bộ trưởng Bộ Quốc phòng, các Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp và các cơ quan, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Nghị định này./.

Nơi nhận:
- Ban Bí thư Trung ương Đảng;
- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương;
- Văn phòng Trung ương và các Ban của Đảng;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội;
- Văn phòng Quốc hội;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Ủy ban Giám sát tài chính Quốc gia;
- Ngân hàng Chính sách xã hội;
- Ngân hàng Phát triển Việt Nam;
- Ủy ban trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Cơ quan trung ương của các đoàn thể;
- Ủy ban Quốc gia Ứng phó sự cố, thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn;
- VPCP: BTCN, các PCN, Trợ lý TTg, TGĐ Cổng TTĐT, các Vụ, Cục, đơn vị trực thuộc, Công báo;
- Lưu: VT, NC (2). XH 206

TM. CHÍNH PHỦ
THỦ TƯỚNG

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA X.H.C.N VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Phúc